

ST T	MSV	Họ và tên		Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
					A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
					10		10		25				55	100			
1	1826213226	Trần Thị Kim	Anh	B18PSU-QTH1	0		0		0				0	0.0	Không	HP	
2	1826213230	Hồ Thị Lan	Chi	B18PSU-QTH1	10		10		9.5				7	8.2	Tám phẩy Hai		
3	1827213234	Lê Minh	Đạt	B18PSU-QTH1	10		10		9.5				9.5	9.6	Chín phẩy Sáu		
4	1827213240	Nguyễn Trung	Hiếu	B18PSU-QTH1	6		8		9				4	5.9	Năm phẩy Chín		
5	1826213244	Trần Khánh	Hồng	B18PSU-QTH1	10		9		9				8	8.6	Tám phẩy Sáu		
6	1827213247	Nguyễn Gia	Khánh	B18PSU-QTH1	0		0		0				0	0.0	Không	V	
7	1827213248	Nguyễn Vĩnh	Kiều	B18PSU-QTH1	10		10		9.5				9.5	9.6	Chín phẩy Sáu		
8	1826213254	Hà Thị Khánh	Ly	B18PSU-QTH1	10		10		9.5				9.5	9.6	Chín phẩy Sáu		
9	1826213257	Nguyễn Thị	Mến	B18PSU-QTH1	9		10		9				4	6.4	Sáu phẩy Bốn		
10	1827213260	Phan Đức	Mười	B18PSU-QTH1	9		10		9.5				5	7.0	Bảy		
11	1826213261	Lê Hoàng Uyên	My	B18PSU-QTH1	8		10		9.5				2	0.0	Không		
12	1826713341	Nguyễn Thị Thiên	Nga	B18PSU-QTH1	9		10		9.5				4	6.5	Sáu phẩy Năm		
13	1826213265	Alice	Nguyễn	B18PSU-QTH1	0		0		0				0	0.0	Không	HP	
14	1827213266	Nguyễn Đăng Minh	Nhật	B18PSU-QTH1	10		10		9.5				9.5	9.6	Chín phẩy Sáu		
15	1826213268	Đinh Thị Kim	Phúc	B18PSU-QTH1	10		10		9.5				9.5	9.6	Chín phẩy Sáu		
16	1826213271	Huỳnh Linh	Phương	B18PSU-QTH1	0		0		0				0	0.0	Không	HP	
17	1826213275	Hồ Thị Anh	Quyên	B18PSU-QTH1	0		0		0				0	0.0	Không	HP	
18	1827213406	Lê Trường	Sơn	B18PSU-QTH1	8		8		9.5				8	8.4	Tám phẩy Bốn		
19	1827213279	Đinh Hồ Mỹ	Thanh	B18PSU-QTH1	9		9		9.5				6	7.5	Bảy phẩy Năm		
20	1827213401	Nguyễn Quang	Thông	B18PSU-QTH1	9		9.5		9				6	7.4	Bảy phẩy Bốn		
21	1826213286	Trương Thị Minh	Thủy	B18PSU-QTH1	0		0		0				0	0.0	Không	HP	
22	1826213288	Đỗ Thị Thanh	Trà	B18PSU-QTH1	9		10		9				5	6.9	Sáu phẩy Chín		
23	1826213291	Nguyễn Thị Hữu	Trang	B18PSU-QTH1	9		10		9				7	8.0	Tám		
24	1826213293	Nguyễn Thu	Trang	B18PSU-QTH1	9		10		9				0	0.0	Không	HTL1	
25	1826213295	Huỳnh Thị Huyền	Trâm	B18PSU-QTH1	10		10		9.5				6	7.7	Bảy phẩy Bảy		
26	1826213297	Nguyễn Thanh	Trúc	B18PSU-QTH1	10		10		9.5				8	8.8	Tám phẩy Tám		
27	1827213404	Trần Quang	Tú	B18PSU-QTH1	5		7		9.5				4	5.8	Năm phẩy Tám		
28	1827213298	Trịnh Minh	Tuấn	B18PSU-QTH1	0		0		0				0	0.0	Không	HP	
29	1826213405	Trần Tường	Vi	B18PSU-QTH1	10		10		9.5				8	8.8	Tám phẩy Tám		
30	1827213302	Trần Văn	Vĩ	B18PSU-QTH1	9		10		9.5				3	0.0	Không		
31	1826213304	Trần Thị	Vinh	B18PSU-QTH1	0		0		0				0	0.0	Không	V	
32	1827213305	Ngô Quang	Vũ	B18PSU-QTH1	0		0		0				0	0.0	Không	HP	
33	1826213225	Trần Phan Lan	Anh	B18PSU-QTH2	10		10		9.5				8	8.8	Tám phẩy Tám		
34	1826213229	Nguyễn Linh	Châu	B18PSU-QTH2	9		10		9.5				7	8.1	Tám phẩy Một		
35	1827213228	Nguyễn Huy	Châu	B18PSU-QTH2	8		9		9				7.5	8.1	Tám phẩy Một		
36	1827213231	Huỳnh Đắc	Chiến	B18PSU-QTH2	7		8		9				0	0.0	Không	V	
37	1827213232	Trương Văn	Công	B18PSU-QTH2	0		0		0				0	0.0	Không	HP	
38	1827213233	Nguyễn Quốc	Duy	B18PSU-QTH2	7		8		9				4	6.0	Sáu		
39	1826213235	Phan Thị	Giang	B18PSU-QTH2	10		9		9				8	8.6	Tám phẩy Sáu		
40	1826213236	Tân Mỹ	Hạnh	B18PSU-QTH2	9		9		9.5				4	6.4	Sáu phẩy Bốn		
41	1827213237	Nguyễn Lê	Hân	B18PSU-QTH2	9		10		9.5				8	8.7	Tám phẩy Bảy		
42	1826213238	Lê Phương Mỹ	Hiền	B18PSU-QTH2	9		10		9.5				4	6.5	Sáu phẩy Năm		
43	1826213241	Đào Thị Ngọc	Hoa	B18PSU-QTH2	0		0		0				0	0.0	Không	HP	

ST T	MSV	Họ và tên		Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
					A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
					10		10		25				55	100			
44	1827213243	Nguyễn Anh	Hoàng	B18PSU-QTH2	9		9		9				8	8.5	Tám phẩy Năm		
45	1826213250	Nguyễn Thị Duy	Linh	B18PSU-QTH2	10		10		9.5				9.5	9.6	Chín phẩy Sáu		
46	1827213253	Phan Thanh	Long	B18PSU-QTH2	10		10		9.5				7.5	8.5	Tám phẩy Năm		
47	1826213398	Bùi Thị Thu	Lợi	B18PSU-QTH2	0		0		0				0	0.0	Không	HP	
48	172334494	Nguyễn Văn	Luân	B18PSU-QTH2	9		9		9.5				9.5	9.4	Chín phẩy Bốn		
49	1826213255	Dương Lưu Ngọc	Mai	B18PSU-QTH2	0		0		0				0	0.0	Không	HP	
50	1827213258	Nguyễn	Minh	B18PSU-QTH2	0		0		0				0	0.0	Không	HP	
51	1826213264	Hoàng Như	Ngọc	B18PSU-QTH2	0		0		0				0	0.0	Không	HP	
52	1827213399	Thái Bá	Nguyễn	B18PSU-QTH2	10		10		9				0	0.0	Không	V	
53	1827213270	Triệu Hoàng Kiến	Phước	B18PSU-QTH2	0		0		0				0	0.0	Không	HP	
54	1827213273	Đình Hoàng	Quân	B18PSU-QTH2	0		0		0				0	0.0	Không	HP	
55	1827213276	Lê Khắc Quang	Sĩ	B18PSU-QTH2	10		10		9.5				5.5	7.4	Bảy phẩy Bốn		
56	1826213281	Lê Uyên	Thảo	B18PSU-QTH2	10		10		9.5				6.5	8.0	Tám		
57	1826213282	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	B18PSU-QTH2	0		0		0				0	0.0	Không	HP	
58	1827213284	Lưu Đức	Thịnh	B18PSU-QTH2	0		0		0				0	0.0	Không	HP	
59	1826213290	Ngô Thị	Trang	B18PSU-QTH2	9		10		9.5				8	8.7	Tám phẩy Bảy		
60	1826213296	Nguyễn Ngọc Uyên	Trân	B18PSU-QTH2	10		10		9.5				8	8.8	Tám phẩy Tám		
61	1826213299	Lê Nguyễn Minh	Tuyết	B18PSU-QTH2	9		10		9.5				5.5	7.3	Bảy phẩy Ba		
62	1826213301	Huỳnh Thị Tường	Vi	B18PSU-QTH2	10		10		9.5				9	9.3	Chín phẩy Ba		
63	1827213303	Nguyễn Quốc	Việt	B18PSU-QTH2	10		10		9.5				8	8.8	Tám phẩy Tám		
64	1826213306	Lê Thị Hoàng	Yến	B18PSU-QTH2	0		0		0				0	0.0	Không	HP	
65	172334505	Lê Thị	Mỹ	B18PSU-QTH2	10		10		9.5				9.5	9.6	Chín phẩy Sáu		

BẢNG THỐNG KÊ SỐ LIỆU

STT	NỘI DUNG THỐNG KÊ	SL	TỶ LỆ	GHI CHÚ
1	Số sinh viên đạt	40	62%	
2	Số sinh viên nợ	25	38%	
TỔNG CỘNG :		65	100%	

LẬP BẢNG

KIỂM TRA

GIÁM ĐỐC TT ĐÀO TẠO BẢNG 2

Đà Nẵng, ngày 29 tháng 08 năm 2013

(ký và ghi rõ họ tên)

PHÒNG ĐÀO TẠO ĐH & SAU ĐH

(ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thị Kim Phượng

Phạm Hồng Phương

ThS. Hồ Hà Đông

ThS. Nguyễn Phi Sơn